

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DSST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Viêm Văn Doãn; Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh Trang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:** Bà Hồ Thị Lê - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TL-DSST ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019;

Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/QĐST-HPT ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1971;

HKTT: Số 584, đường Ngụy Tha, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1997.

HKTT: Số 216A, đường D, khu C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng trú tại địa chỉ: 15, đường N, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 05/02/2013, bà Đoàn Thị Thu H có cho vợ chồng ông T, bà D vay số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Ông T, bà D hẹn sẽ trả lãi hàng tháng và mỗi tháng trả 100.000.000 đồng trừ vào tiền gốc. Thời hạn trả cuối cùng là ngày 31/12/2013.

Ngày 28/02/2013, bà H cho ông T vay tiếp số tiền 448.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng), trong giấy vay nợ không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/tháng. Hẹn khi nào bà H cần thì ông T sẽ trả. Giấy biên nhận nợ do ông T trực tiếp viết và một mình ông T ký.

Ngày 28/01/2014, bà H tiếp tục cho ông T vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng 1,5%/tháng. Thời hạn vay là 02 tháng, hẹn đến ngày 28/3/2014 sẽ thanh toán đầy đủ.

Sau khi vay tiền, ông T, bà D có trả cho bà H một số lần, cụ thể như sau:

- Ngày 17/02/2015: Trả 50.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 06/01/2016: Trả 30.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 26/01/2017: Trả 20.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 15/02/2018: Trả 20.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài số tiền đã trả như trên thì vợ chồng ông T, bà D không trả bất kỳ số tiền nào, mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện, yêu cầu trả nợ nhưng ông T không nghe máy và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Xác định ông T, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà D phải thanh toán số nợ như sau:

Đối với giấy vay nợ ngày 05/02/2013 vay số tiền 2.500.000.000 đồng, khi vay cả hai vợ chồng ông T bà D cùng ký, nên bà H yêu cầu bà D phải có trách nhiệm cùng ông T trả cho bà số tiền đã vay và lãi suất kể từ thời điểm vi phạm.

Đối với 02 giấy vay nợ ngày 28/02/2013 và ngày 28/01/2014 vay số tiền là 448.000.000 đồng và 350.000.000 đồng. Số tiền này một mình ông T ký tên trong giấy vay nợ nên bà H yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền trên.

Cụ thể số tiền lãi suất mà bà H yêu cầu như sau:

Đối với khoản vay ngày 05/02/2013 đề nghị áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận giữa 02 bên là 1,5%/tháng.

Đối với khoản vay ngày 28/02/2013 và khoản vay ngày 28/01/2014 bà H đề nghị áp dụng mức lãi suất cơ bản được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-HNNN ngày 29/11/2010 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành là 9%/năm.

Số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2019 như sau:

- Khoản vay ngày 05/02/2012:

$2.500.000.000 \text{ đồng} \times (1,5\% : 30 \text{ ngày}) \times 2.423 \text{ ngày} - 120.000.000 \text{ đồng} = 2.908.750.000 \text{ đồng}$

- Khoản vay ngày 28/02/2013:

$448.000.000\text{đ} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) \times 2.400 \text{ ngày} = 268.800.000 \text{ đồng}$

- Khoản vay ngày 28/01/2014:

$350.000.000\text{đ} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) \times 2.066 \text{ ngày} = 180.775.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền cả gốc cả lãi mà bà H yêu cầu ông T, bà D phải trả là: $2.500.000.000 \text{ đồng} + 2.908.750.000 \text{ đồng} = 5.408.750.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền cả gốc cả lãi mà bà H yêu cầu ông T phải trả là: $448.000.000\text{đ} + 350.000.000\text{đ} + 268.800.000 \text{ đồng} + 180.775.000 \text{ đồng} = 1.247.575.000 \text{ đồng}$

Phía bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, ông T trình bày: Khoảng từ năm 2013 đến năm 2014 ông có vay của vợ chồng ông Vũ Xuân A và bà Đoàn Thị Thu H số tiền là 700.000.000 đồng, với lãi suất là 2.000 đồng/ngày. Trong mấy năm đầu, ông vẫn trả tiền lãi hàng tháng cho vợ chồng bà H. Tuy nhiên sau đó do tình hình công ty làm ăn khó khăn nên đã không trả lãi đúng hạn được.

Khoảng cuối năm 2017, vợ chồng ông S, bà H và ông T cùng cộng sổ tính lãi tại nhà ông S thì ông còn nợ 700.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng ông còn nợ vợ chồng bà H số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Sau khi chốt nợ, hai bên có viết giấy vay nợ mới, có chữ ký của ông. Hai bên thống nhất sẽ thay đổi phương thức tính lãi xuống thành 1,5%/tháng. Tuy nhiên, do công việc kinh doanh khó khăn nên mỗi năm ông cũng chỉ trả cho bà H được một ít tiền. Có năm trả vài trăm triệu, có năm trả vài chục triệu, tất cả là tiền lãi.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ, ông xác định có ký giấy vay vợ chồng ông S, bà H số tiền là 2.000.000.000 đồng và đây là tiền gốc. Ông đồng ý và đưa ra kế hoạch sẽ trả cho bà H số tiền trên trong năm 2019.

Tòa án tiến hành phiên đối chất để làm rõ số nợ gốc, lãi và số tiền ông T đã trả nhưng phía ông T, bà D vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt, tuy nhiên trong biên bản lấy lời khai, bà D cho biết bà không biết về các khoản nợ mà ông T đã vay của bà H. Tuy nhiên, khoảng năm 2013, ông T có mang về 01 giấy vay nợ và bảo bà ký vào giấy vay nợ này, số tiền vay trong giấy vay nợ là bao nhiêu, hay ông T đã nhận tiền và dùng vào việc gì bà cũng không biết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm buộc vợ chồng ông T và D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền gốc 2.500.000.000 đồng. Thay đổi yêu cầu tính lãi suất là 9%/1 năm tính từ 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm và trừ đi số tiền lãi đã thanh toán là 120.000.000 đồng.

Đối với số nợ 350.000.000 đồng và 448.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu một mình ông T phải có trách nhiệm thanh toán, tổng số tiền của cả hai khoản vay và yêu cầu tính lãi suất 9%/1 năm kể từ ngày 29/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Riêng bị đơn ông T, bà D là chưa chấp hành quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477, 478 BLDS 2005; Các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trương, bà D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Trừ đi số tiền lãi đã trả là 120.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 798.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng vay tài sản được thiết lập giữa nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ thường trú tại thành phố Bắc Ninh. Năm 2017, nguyên đơn, bị đơn đã xác lập lại

công nợ và xác định có trả lãi vào năm 2018 do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 BLDS 2005 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 17/6/2019 bà Đoàn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 189, Điều 190 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu đối với các đương sự. Phía bị đơn là ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét giấy biên nhận nợ ngày 05/02/2013 lập giữa bà H, ông T và bà D và các giấy vay ngày 28/02/2013; ngày 28/01/2014 được lập giữa bà Hà với ông Trương được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật quy định tại Điều 471 BLDS 2005 và không trái với đạo đức xã hội. Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào năm 2017 các bên đã chốt số nợ và phía bị đơn vẫn trả lãi đến 15/02/2018 nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với giấy vay nợ ngày 05/02/2013 được lập giữa bà Đoàn Thị Thu H với ông T, bà D: Đối với phần tiền gốc: Trong các lời khai tại Tòa án, ông T xác nhận có vay tiền tuy nhiên ông chỉ nhớ số tiền là 2.000.000.000 đồng và xác định đã trả gốc, có lúc trả đến 100.000.000 đồng, tuy nhiên ông không đưa ra căn cứ để chứng minh việc hàng tháng ông đã thanh toán số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Phía bà D xác định không biết gì về khoản vay trên, cũng không được nhận tiền và không biết ông Trương đã dùng tiền vào việc gì tuy nhiên bà có ký vào giấy vay nợ cùng ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi lấy lời khai, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên đối chất cũng như phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận và làm rõ các khoản vay, tiền gốc, lãi đã trả. Tuy nhiên, ông T và bà D đều vắng mặt, thể hiện việc không hợp tác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Xét việc bà D đã tự nguyện cùng ông T ký vào giấy vay nợ ngày 05/02/2013 với số tiền là 2.500.000.000 đồng. Do vậy, cần buộc bà D phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông T thanh toán cho bà H số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật.

Trong giấy vay nợ, các đương sự thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng: Đây là mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật tại Điều 476 BLDS 2005. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của Ngân hàng

Nhà nước là 9%/năm và thời điểm yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/01/2014. Tại Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau:

$2.500.000.000 \times 9\% \times 05 \text{ năm } 9 \text{ tháng} = 1.293.750.000 \text{ đồng.}$

Tổng gốc và lãi ông T bà D phải thanh toán là: $2.500.000.000 + 1.293.750.000 = 3.793.750.000 \text{ đồng.}$

Trừ số tiền lãi ông T đã thanh toán là 120.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T, bà D còn phải thanh toán là: 3.673.750.000 đồng.

- Đối với số tiền 350.000.000 đồng và số tiền 448.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả gốc và lãi suất là 9%/ năm tính từ ngày 29/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, trong các giấy vay nợ đối với các khoản vay này chỉ có ông T ký vay với bà H, các đương sự không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian trả. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận, đến hạn trả nợ, bà H có đòi nhiều lần nhưng ông T không thanh toán, nhưng có xác định vẫn trả lãi. Bà H yêu cầu riêng ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ này là phù hợp. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm đối với cả hai khoản vay và thời điểm yêu cầu tính lãi kể từ ngày 29/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm với thời gian là 5 năm 6 tháng 01 ngày, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính tròn là 5 năm 6 tháng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau:

$350.000.000 \times 9\% \times 05 \text{ năm } 6 \text{ tháng} = 173.250.000 \text{ đồng.}$

$448.000.000 \times 9\% \times 05 \text{ năm } 6 \text{ tháng} = 221.760.000 \text{ đồng.}$

Tổng gốc và lãi là: $350.000.000đ + 448.000.000đ + 173.250.000đ + 221.760.000 = 1.193.010.000 \text{ đồng.}$

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477, 478 Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 280, 357, 429, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 235, 254, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền 3.673.750.000 đồng. (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền 1.193.010.000 đồng. (Một tỷ một trăm chín mươi ba triệu không trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D phải chịu 105.475.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 47.790.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Hà 48.980.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/0001906 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương